

Số: 56/KH-PCTT

An Giang, ngày 15 tháng 8 năm 2017

KẾ HOẠCH
PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH AN GIANG NĂM 2017

- Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 năm 2013;
- Căn cứ Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;
- Căn cứ Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai;
- Căn cứ Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 quy định về dự báo, cảnh báo về truyền tin thiên tai;

Để chủ động trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn kịp thời, hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, Ban chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh An Giang xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai năm 2017 như sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

I. Mục đích:

Nhằm chủ động trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn để ứng phó kịp thời đối với các loại hình thiên tai, giảm thiểu đến mức thấp nhất những thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra.

II. Yêu cầu:

1. Tiếp tục thực hiện kế hoạch hành động “Chiến lược Quốc gia về phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai tỉnh AG đến năm 2020” theo Quyết định số 2278/QĐ-UB ngày 30/10/2008 và Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 01/4/2010 của UBND tỉnh AG về Kế hoạch thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020 của tỉnh”.

2. Công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn phải được tiến hành chủ động và thường xuyên. Đồng thời ứng phó kịp thời để giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra. Chú trọng việc lồng ghép trong các kế hoạch, dự án phát triển kinh tế xã hội của các ngành, các cấp địa phương.

3. Luôn quán triệt và thực hiện có hiệu quả phương châm “bốn tại chỗ” (*chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; vật tư, phương tiện tại chỗ; hậu cần tại chỗ*), nguyên tắc phòng ngừa, chủ động, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả.

4. Nâng cao năng lực xử lý tình huống, sự cố; chỉ huy, điều hành tại chỗ để

ứng phó thiên tai đạt hiệu quả của các cấp, các ngành.

5. Tăng cường thông tin, tuyên truyền, cảnh báo, hướng dẫn các biện pháp phòng, tránh ứng phó thiên tai (*lũ, sạt lở đất, đông lốc, hạn hán, xâm nhập mặn, nắng nóng...*) kịp thời đến cộng đồng dân cư.

6. Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng để phát huy ý thức tự giác, chủ động phòng, tránh thiên tai của toàn dân trên địa bàn tỉnh.

B. NỘI DUNG KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI NĂM 2017

I. Đánh giá về đặc điểm dân sinh, kinh tế- xã hội và cơ sở hạ tầng trong phạm vi quản lý:

1. Đặc điểm tự nhiên xã hội:

- An Giang là tỉnh nằm ở đầu nguồn Đồng bằng Sông Cửu Long, có đường biên giới dài trên 100km, phía Bắc giáp Campuchia, phía Đông và Đông - Nam giáp tỉnh Đồng Tháp, phía Nam giáp tỉnh Cần Thơ, phía Tây và Tây - Nam giáp tỉnh Kiên Giang.

- Có 11 đơn vị hành chính gồm: 02 thành phố, 01 thị xã và 08 huyện, gồm 156 xã, phường, thị trấn. Diện tích tự nhiên 3.536,6802 km². Dân số khoảng 2,2 triệu người, mật độ dân số 610 người/km² (theo niên giám thống kê năm 2015).

- Địa hình AG ít phức tạp, tương đối thuận lợi để phát triển nông - lâm - thủy sản và du lịch, phần lớn diện tích ở cao độ +1,0 ÷ +1,50 m (địa hình cao nhất là +4,0 ÷ +4,50 m và thấp nhất là +0,60 ÷ +0,80 m). Có cao độ thấp dần từ Đông Bắc xuống Tây Nam với độ chênh cao 0,5 ÷ 1,0 cm/km:

+ Vùng 4 huyện cù lao: phần lớn diện tích đất có cao độ +1,50 ÷ +2,50 m. Dãi đất ven sông Tiền có cao độ +2,50 ÷ +3,50 m.

+ Khu vực Tứ giác Long Xuyên: phần lớn diện tích đất có cao độ +0,80 ÷ +1,20 m. Dãi đất ven sông Hậu thuộc huyện Châu Phú có cao độ +1,30 ÷ +1,50 m.

+ Vùng cao huyện Tri Tôn – Tịnh Biên: Bao bọc chung quanh núi là đồng bằng chân núi, dạng địa hình chuyển tiếp giữa núi và đồng bằng, có cao trình từ +4,0 ÷ +40 m và độ dốc từ 3⁰ ÷ 8⁰.

2. Hệ thống công trình thủy lợi: Tính đến nay toàn tỉnh có hơn 10.000 công trình thủy lợi. Trong đó:

- Sông và Kênh các loại : 2.933 công trình, chiều dài 7.345 km.

- Đê bao: có 631 tiểu vùng kiểm soát lũ cho gần 247.000 ha. Trong đó có 397 TV KSL cả năm, với 3.770 km đê phục vụ 185.000 ha.

- Có hơn 2.660 cống các loại phục vụ tưới, tiêu và ngăn lũ hơn 200.000 ha.

- Trạm bơm điện các loại có 1.800 trạm (trong đó 1.535 trạm có công suất vừa và 265 trạm có công suất nhỏ), có công suất 03 triệu m³/h phục vụ khoảng